

**PHIẾU THEO DÕI TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
HỒ SƠ, CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN THUỘC SỞ**

I. Thông tin tiếp nhận:

1. Số, ký hiệu văn bản đến: 455/09
2. Ngày văn thư chuyển đến phòng chuyên môn:

Ngày đến: 16 / 11 / 2012.
Ngày : / / 2012.

II. Ý kiến chỉ đạo, xử lý của lãnh đạo:

1. Ý kiến chỉ đạo của Giám đốc: _____

Ngày tháng năm 2012

2. Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo phụ trách: _____

P. Quý huyệt.

- Thời hạn yêu cầu phòng chủ trì:
- Thời hạn yêu cầu phòng phối hợp (nếu có):

Ngày / / 2012.

Ngày / / 2012.

Ngày 16 tháng 11 năm 2012

Ja

III. Kết quả giải quyết:

1. Lãnh đạo phòng phân công cán bộ xử lý:

.....; ngày: / / 2012; Ký tên:

2. Phòng chủ trì trình Lãnh đạo Sở:

- Lần thứ nhất: Ngày: / / 2012;

Ký tên:

- Lần thứ hai: Ngày: / / 2012;

Ký tên:

3. Lãnh đạo Sở ký ban hành: Ngày: / / 2012;

Ký tên:

4. Phòng chủ trì chuyển văn bản đã được Lãnh đạo Sở ký đến văn thư:

Ngày: / / 2012;

Ký tên:

5. Văn thư phát hành văn bản: Ngày: / / 2012;

Ký tên:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 455 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 13 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông
đến 2015 và định hướng đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 161/2006/QĐ-TTg ngày 10/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2006 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2006/QĐ-TTg ngày 11/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thủy sản Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt định hướng chiến lược phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Đắk Nông đến 2020;



Căn cứ Thông báo số 393-TB/TU ngày 28/12/2011 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 21/TTr-SNN ngày 08 tháng 02 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông đến 2015 và định hướng đến năm 2020 với các nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

2. Quan điểm và mục tiêu.

2.1. Quan điểm:

- Khai thác sử dụng có hiệu quả tiềm năng mặt nước, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, phát triển các giống cá nuôi có thể mạnh của từng vùng, kể cả cá nước lạnh;

- Khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản trên mặt nước sông, ao, hồ. Thực hiện nghiêm Luật Thủy sản, xử lý nghiêm các hành vi đánh bắt có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản;

- Tăng hợp lý tỷ lệ diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh, diện tích còn lại nuôi quảng canh cải tiến, mô hình VAC đạt hiệu quả kinh tế cao trên 01 ha mặt nước, tăng thu nhập, giảm nghèo, góp phần làm giàu các vùng nông thôn trong tỉnh;

- Sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, kể cả xuất nhập khẩu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm thủy sản;

- Phát triển sản xuất thủy sản gắn với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu:

- Đến năm 2015, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh là 1.850 ha, sản lượng đạt 6.450 tấn/năm; đến năm 2020 diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh là 2.000 ha, sản lượng đạt 7.600 tấn/năm;

- Tập trung đầu tư thâm canh, tăng năng suất, tăng sản lượng đối với các loài cá có giá trị kinh tế cao;

- Quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản tự nhiên trên các sông suối, hồ chứa, hồ thủy điện, sản lượng đến năm 2020 vẫn giữ nguyên ở mức 600 tấn/năm.

3. Chỉ tiêu phát triển chủ yếu.

3.1. Diện tích và sản lượng nuôi thủy sản:

TT	Huyện, thị	Hiện trạng diện tích nuôi thủy sản (ha)	Quy hoạch đến năm 2015							
			Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Nuôi ao hồ nhỏ		Nuôi hồ chứa		Nuôi lồng bè	
					Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Số lồng (lồng)	Sản lượng (tấn)
	Tổng cộng	925	1.300	3.900	1.000	2.700	300	600	300	600
1	Cư Jút	190	190	565	150	405	40	80	40	80
2	Krông Nô	130	140	450	100	270	40	80	50	100
3	Đắk Mil	110	140	420	100	270	40	80	35	70
4	Đắk Song	90	190	575	150	405	40	80	45	90
5	Đắk Glong	130	190	545	150	405	40	80	30	60
6	Đắk R'lấp	110	190	585	150	405	40	80	50	100
7	Tuy Đức	85	130	390	100	270	30	60	30	60
8	Thị xã Gia Nghĩa	80	130	370	100	270	30	60	20	40

- Diện tích nuôi thủy sản năm 2010 là 925 ha, đến năm 2015 là 1.300 ha, (tăng 375 ha, bình quân tăng 75 ha/năm), trong đó: Nuôi cá ao, hồ nhỏ là 1.000 ha; nuôi cá tại các hồ chứa là 300 ha; nuôi cá lồng là 300 lồng;

- Sản lượng nuôi đến 2015 đạt 3.900 tấn/năm, trong đó: Nuôi cá ao, hồ nhỏ 2.700 tấn/năm; nuôi cá tại các hồ chứa 600 tấn/năm; nuôi cá lồng 600 tấn/năm. Năng suất nuôi thâm canh đạt 05 tấn/ha, nuôi bán thâm canh đạt 03 tấn/ha, nuôi quảng canh cải tiến 2,1 tấn/ha;

- Đến năm 2020, diện tích nuôi là 1.800 ha (tăng 300 ha, bình quân tăng 60 ha/năm), trong đó: Nuôi cá ao, hồ nhỏ 1.200 ha; nuôi cá tại các hồ chứa 600 ha; nuôi lồng 300 lồng;

- Sản lượng nuôi đạt 5.700 tấn/năm, trong đó: Nuôi cá ao, hồ nhỏ đạt 3.840 tấn/năm; nuôi cá tại các hồ chứa 1.260 tấn/năm; nuôi cá lồng 600 tấn/năm. Năng suất nuôi thâm canh đạt 5 tấn/ha, nuôi bán thâm canh đạt 3,5 tấn/ha, nuôi quảng canh cải tiến 2,3 tấn/ha.

3.2. Khai thác thủy sản tự nhiên:

- Đến năm 2015, diện tích thả cá giống ra sông, hồ để phục hồi nguồn lợi và để khai thác là 2.000 ha, sản lượng là 600 tấn/năm, năng suất bình quân 0,3 tấn/ha;

- Đến năm 2020, diện tích thả cá giống ra sông, hồ để duy trì nguồn lợi và khai thác là 2.000 ha, sản lượng giữ nguyên ở mức 600 tấn/năm.

3.3. Địa bàn quy hoạch nuôi thủy sản:

TT	Huyện	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Địa điểm
Vùng I	Huyện Cư Jút	190	595	- Xã Đắk Wil - Xã Đắk D'rông. - Xã Cư K'nia.
Vùng II	Huyện Krông Nô	140	450	- Xã Nam Đà

				- Xã Năm Nung - Xã Quảng Phú - Xã Năm N'đir
	Huyện Đắk Mil	140	420	- Xã Đắk Lao - Xã Thuận An - Xã Đắk N'Drot
	Huyện Đắk Song	190	545	- Xã Đắk N'Drung - Xã Thuận Hạnh - Xã Đắk Mol
	Huyện Đắk Glong	190	545	- Xã Quảng Sơn - Xã Quảng Khê - Xã Đắk Ha - Xã Đắk Som
Vùng III	Huyện Đắk R'lấp	190	585	- Xã Đắk Sin - Xã Đắk Ru - Xã Đạo Nghĩa
	Huyện Tuy Đức	130	390	- Xã Quảng Trục - Xã Đắk R'tih - Xã Đắk Buk Sor
	Thị xã Gia Nghĩa	130	370	- Xã Đắk Nia - Xã Quảng Thành

3.4. Địa bàn quy hoạch khai thác:

TT	Huyện	Diện tích thả giống (ha)	Sản lượng khai thác (tấn)	Địa điểm
1	Huyện Cư Jút	300	90	- Các xã: Đắk Drông, Nam Dong, Trúc Sơn, Đắk Wil, Cư K'nia
2	Huyện Krông Nô	400	120	- Các xã: Năm N'đir, Nam Nung, Nam Đà, Đắk Nang, thị trấn Đắk Mâm
3	Huyện Đắk Mil	180	54	- Các xã: Đắk Lao, Đắk Mil, Đắk Sắc, Đức Minh, Thuận An, Đắk R'la
4	Huyện Đắk Song	280	84	- Các xã: Đắk Mol, Thuận Hạnh, Thuận Hà, thị trấn Đức An, Đắk N'Drung, Trường Xuân
5	Huyện Đắk Glong	200	60	- Các xã: Đắk Ha, Đắk R'măng, Đắk Som, Quảng Sơn, Quảng Khê
6	Huyện Đắk R'lấp	400	120	- Các xã: Đắk Sin, Hưng Bình, Nghĩa Thắng, Đạo Nghĩa, Kiến Thành, Đắk Wer, Đắk Ru, Quảng Tín
7	Huyện Tuy Đức	160	40	- Các xã: Đắk Búk Sor, Đắk R'tih, Đắk Ngo, Quảng Trục
8	Thị xã Gia nghĩa	80	24	- Các xã: Đắk Nia, Quảng Thành, phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Trung

3.5. Địa bàn khảo sát, điều tra, xây dựng khu bảo tồn thủy sản nước ngọt và các bãi cá đẻ:

TT	Huyện/xã	Địa điểm
I. Khu bảo tồn		
1.	Huyện Cư Jút	
	Xã Đắk Wil	- Điểm hợp lưu sông Sêrêpôk, giáp Campuchia
	Huyện Đắk R'lấp	
	- Xã Đắk Sin - Xã Đạo Nghĩa	- Điểm hợp lưu giữa suối Da Deung và sông Đồng Nai - Điểm hợp lưu giữa suối Đắk R'chung và sông Đồng Nai
II. Các bãi cá đẻ		
1	Huyện Krông Nô	
	- Xã Nam Đà - Xã Đắk Nang - Xã Nam Nung - Xã Quảng Phú	- Hồ Nam Đà (104 ha) - Hồ Đắk Nang (185 ha) - Điểm hợp lưu giữa suối Đắk D'rouk và sông Krông Nô - Điểm hợp lưu giữa suối D'Teung và sông Krông Nô - Điểm hợp lưu giữa suối D'Top R'da và sông Krông Nô - Điểm hợp lưu giữa suối Đắk N'teng và sông Krông Nô
2	Huyện Cư Jút	
	Xã Đắk Wil	- Điểm hợp lưu giữa suối Đắk Ken và sông Sêrêpôk - Điểm hợp lưu giữa suối Đắk Ken và sông Sêrêpôk

3.6. Các giải pháp thực hiện:

- Ban hành các chính sách, cơ chế tạo điều kiện để các hộ dân, doanh nghiệp tham gia nuôi trồng thủy sản, cung cấp các dịch vụ con giống, thức ăn, phát triển thị trường tiêu thụ; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để người dân và doanh nghiệp yên tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất;

- Lồng ghép các chương trình, dự án như: Xây dựng đập thủy lợi, đập thủy điện, đường giao thông, trồng rừng để nuôi trồng thủy sản tạo sản lượng lớn, hiệu quả kinh tế cao. Có chính sách miễn giảm thuế, vay vốn ưu đãi trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ao, hồ nuôi, xây mới hoặc nâng cấp các trại nuôi, trại sản xuất con giống, xưởng chế biến thức ăn cho cá;

- Nhà nước đầu tư 01 Trung tâm sản xuất giống cấp I, hỗ trợ đầu tư cho các hộ dân sản xuất và ương nuôi cá giống, cải tạo đàn cá bố mẹ, sản xuất giống cá mới, thực hiện xã hội hóa và thương mại trong lĩnh vực sản xuất con giống; hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp xây dựng 01 xưởng sản xuất, chế biến thức ăn, công suất 10.000 - 20.000 tấn/năm phục vụ chăn nuôi và nuôi cá trên địa bàn tỉnh;

- Đưa công nghệ nuôi thâm canh, trước mắt là công nghệ nuôi thâm canh truyền thống vào các khu vực nuôi tập trung đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng công trình; sử dụng giống tốt, sạch bệnh, thức ăn tự nhiên, thức ăn tự chế, thức ăn công nghiệp; đặc biệt là quản lý, khống chế, xử lý được nguồn nước cấp, nước trong ao nuôi và nước thải;

- Thực hiện quy trình thực hành nuôi tốt (GAP) tại tất cả các vùng nuôi trên địa bàn tỉnh;

- Hình thành các chợ, các điểm đầu mối thu gom, tạo mối liên kết giữa người nuôi - đại lý bao tiêu sản phẩm - thị trường tiêu thụ; xúc tiến thương mại và xuất khẩu thủy sản;

- Nhà nước đầu tư xây dựng 01 Khu bảo tồn thủy sản nước ngọt tại xã Đăk Wil, huyện Cư Jút và một số bãi cá đẻ ở các huyện Cư Jút, Krông Nô, Đăk Glong nhằm tái tạo, bảo vệ và phát triển nguồn lợi, phát triển nghề cá của tỉnh ổn định, bền vững;

3.7. Vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư:

a) Tổng số vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 là 218.700 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư xây dựng 152.000 triệu đồng; vốn sản xuất 66.700 triệu đồng; cụ thể như sau:

+ Vốn ngân sách Nhà nước 66.870 triệu đồng;

+ Vốn vay tín dụng: 51.830 triệu đồng;

+ Vốn tự có của người dân: 100.000 triệu đồng.

b) Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 là 182.150 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư xây dựng 63.000 triệu đồng; vốn sản xuất 119.150 triệu đồng; cụ thể như sau:

+ Vốn ngân sách nhà nước: 18.215 triệu đồng;

+ Vốn vay tín dụng: 54.645 triệu đồng;

+ Vốn tự có của người dân: 109.290 triệu đồng.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh theo Quyết định phê duyệt;

- Căn cứ các nội dung quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định các dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, trình UBND tỉnh cho thuê đất, giao đất để triển khai nuôi trồng thủy sản theo quy định;

- Đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản khi có những thay đổi về nội dung quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

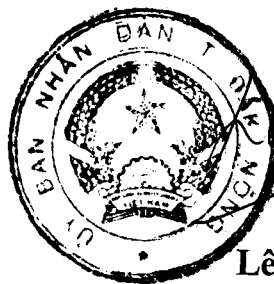
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch đầu tư; Chi cục trưởng Chi cục Thú y; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT: Nguyễn Đức Luyện;
- PCVP: Lưu Văn Trung;
- Lưu VT, NN (NB). *me*

20

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

